

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2018/DS-ST

Ngày: 30-5-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tiên Thành.

- Ông Đỗ Hữu Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 2 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1654/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2113/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở chính: 130 đường L, Phường M, quận Phú N, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc K, sinh năm 1993, địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố H (Văn bản ủy quyền số 56/QĐ-Q1 ngày 11 tháng 5 năm 2018, ông K có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hồng N, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 37 – 39 Đường X, phường Y, Quận Z, Tp. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2016, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/8/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần A(sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) và ông Lê Hồng N có ký Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011, đáo hạn ngày 16/8/2012, có nội dung như sau:

- Số tiền vay: 79.000.000 đồng;
- Lãi suất vay: 22,8%/năm;
- Lãi quá hạn: 34,2%/năm;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Mục đích vay: tiêu dùng;
- Biện pháp bảo đảm: tín chấp.

Trong quá trình vay ông N đã thanh toán tổng cộng là 19.162.570 đồng. Đến thời hạn trả nợ vay, ông N đã không thanh toán nợ cho Ngân hàng Atheo như các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Sau khi quá hạn trả nợ, Ngân hàng A đã cùng ông N tìm phương án giải quyết khoản nợ. Ông N đề xuất đồng ý để Ngân hàng A xử lý số cổ phiếu của ông N tại Ngân hàng A để giải quyết nợ. Ngân hàng A đã tích cực giải quyết nhưng do nguyên nhân khách quan (không có người mua) nên vẫn chưa xử lý được. Đến ngày 13/8/2015, cổ phiếu của Ngân hàng Abi cầm giao dịch, không xác định được thời gian được phép giao dịch trở lại do đó Ngân hàng A không thể tiếp tục xử lý số cổ phiếu trên để thanh toán một phần khoản nợ của ông N. Nhận thấy không thể giải quyết khoản nợ của ông N bằng cách xử lý cổ phiếu được nữa nên Ngân hàng A đã yêu cầu ông N trả nợ nhưng ông N không hợp tác.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011 tính đến ngày 13/11/2017 là 212.670.354 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông N không thực hiện việc trả nợ như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông N để thanh toán nợ vay cho nguyên đơn.

Ngày 22/5/2018 nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện sau: Trường hợp ông N không thực hiện việc trả nợ như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông N để thanh toán nợ vay cho nguyên đơn.

** Tại bản khai ngày 24/3/2017 bị đơn ông Lê Hồng N trình bày:*

Ngày 16/8/2011 ông và Ngân hàng thương mại cổ phần A có ký hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011 với hạn mức thấu chi là 79.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Cơ sở xác định hạn mức thấu chi dựa trên số cổ phần của Ngân hàng A thuộc quyền sở hữu của ông (8779 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Đến thời hạn hết hiệu lực là ngày 16/8/2012, do tình hình tài chính không đủ khả năng thanh toán nên ông đã chuyển nhượng số cổ phần còn lại cho Ngân hàng A được thể hiện bằng Giấy chuyển nhượng cổ phần đã được ông ký nhận. Như vậy ông đã chuyển nhượng cổ phần của ông cho Ngân hàng để thanh toán nợ, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Ngày 22/5/2018 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và trong văn bản trình bày ý kiến nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng A tính đến ngày 30/5/2018 là 227.904.740 đồng (trong đó: nợ gốc là 74.478.088 đồng, lãi trong hạn là 1.472.872 đồng, lãi quá hạn là 151.953.780 đồng).

Kể từ ngày 31/5/2018 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn có đơn đề ngày 28/5/2018 xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia

tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đơn của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Lê Hồng N, cư trú tại Đường X, phường Y, Quận Z, Tp. H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào các ngày 22/5/2018 ngày 28/5/2018 nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2018 là 227.904.740 đồng (trong đó: nợ gốc là 74.478.088 đồng, lãi trong hạn là 1.472.872 đồng, lãi quá hạn là 151.953780 đồng).

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bản chi tiết sao kê các giao dịch cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bị đơn có ký kết với nguyên đơn Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011 ngày 16/8/2011 hạn mức thấu chi là 79.000.000 đồng, lãi suất thấu chi trong hạn 22,8%/năm (1,9%/tháng), lãi suất thấu chi quá hạn gấp 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn, trong thời hạn 12 tháng với hình thức đảm bảo là tín chấp. Sau khi hết thời hạn vay, bị đơn không thanh toán các khoản nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi tính đến ngày 30/5/2018 là đúng với hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng đã thanh toán toàn bộ khoản vay hạn mức thấu chi tài khoản thẻ bằng việc chuyển nhượng số cổ phần của mình tại Ngân hàng A. Tuy nhiên bị đơn không chứng minh được việc chuyển nhượng này là hợp pháp. Bị đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh đã thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ khoản tiền đã vay theo hợp đồng. Do đó, ý kiến này của bị đơn là không có cơ sở pháp lý để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Xét, về lãi suất cho vay: Theo khoản 2.2, khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011, các bên đã thỏa thuận mức lãi suất thấu chi trong hạn là 22,8%/năm (1,9%/tháng), lãi suất thấu chi quá hạn gấp 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”* và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định: *“1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt N. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và*

thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”. Do đó, mức lãi suất theo Hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011 là không trái với quy định của pháp luật.

[5] Như vậy, bị đơn không thanh toán các khoản nợ sau khi hết thời hạn vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011 tính đến ngày 30/5/2018 là 227.904.740 đồng là có cơ sở pháp lý, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét thấy, ngày 22/5/2018 nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bị đơn để thanh toán nợ vay cho nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc ông Lê Hồng N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2018 của Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011 ngày 16/8/2011 tổng cộng là 227.904.740 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) (Trong đó: nợ gốc:

74.478.088 đồng, lãi trong hạn: 1.472.872 đồng, lãi quá hạn: 151.952.790 đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31/5/2018 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 155/TC-01/2011 ngày 16/8/2011 cho đến khi ông Lê Hồng N trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A, yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Lê Hồng N để thanh toán nợ vay trong trường hợp ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí:

Ông Lê Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.395.237 đồng (Mười một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 4.692.353 đồng (Bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn ba trăm năm mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019080 ngày 07/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A, ông Lê Hồng N không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Cảnh